|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/TT-NHNN  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

 |
| DỰ THẢO |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung** **một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Điểm a khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi, việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Giấy phép) đối với các nội dung sau:

(i) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại; thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(ii) Tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại, mức vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; giảm mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần;

(iii) Gia hạn thời hạn hoạt động;”

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 1 như sau:

“5. Việc ghi giảm vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.”

3. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc ghi tăng vốn điều lệ của ngân hàng thương mại, mức vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; giảm mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần:

a) Đối với tổ chức tín dụng: Văn bản do người đại diện theo pháp luật ký. Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức tín dụng khuyết người đại diện theo pháp luật, văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng là văn bản của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ký. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác, thành viên Hội đồng thành viên khác ký thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật và hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Văn bản do Tổng giám đốc (Giám đốc) ký. Trường hợp Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài ký văn bản đề nghị.”

4. Bổ sung Điều 14a vào sau Điều 14 như sau:

“**Điều 14a. Giảm mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần thông qua việc mua lại cổ phần của cổ đông theo quyết định của ngân hàng**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Lý do giảm mức vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại; mức vốn điều lệ dự kiến giảm;

(iii) Cam kết việc giảm mức vốn điều lệ không làm giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định, không dẫn đến vi phạm các tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn Luật các tổ chức tín dụng;

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc giảm mức vốn điều lệ;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án giảm mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần thông qua việc mua lại cổ phần của cổ đông;

c) Phương án giảm mức vốn điều lệ quy định tại điểm b khoản này tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Kế hoạch mua lại cổ phần, gồm: số lượng cổ phần dự kiến mua lại, nguyên tắc xác định giá, giá dự kiến mua lại, thời điểm thực hiện dự kiến; nguồn dự kiến sử dụng để mua lại cổ phần (trong đó bao gồm quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập);

(ii) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi giảm vốn điều lệ; Danh sách người sở hữu cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng; Danh sách cổ đông hoặc người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi giảm vốn điều lệ. Các danh sách này phải có thông tin định danh (đối với cá nhân: họ, tên, số thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; đối với tổ chức: tên tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức, số thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, ngày cấp, nơi cấp) của cổ đông, người có liên quan của cổ đông theo quy định của pháp luật;

(iii) Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi giảm vốn điều lệ (nếu có).

(iv) Đánh giá tác động của việc giảm vốn điều lệ đối với tình hình hoạt động, an toàn hoạt động của ngân hàng thương mại (trước và dự kiến sau khi giảm vốn điều lệ), trong đó bao gồm các chỉ tiêu an toàn sau đây: vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ; tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; giới hạn góp vốn, mua cổ phần; giới hạn, hạn chế cấp tín dụng.

d) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị của ngân hàng thương mại đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phần từ 6 tháng trở xuống kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính và trong trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phần quá 6 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận:

a) Ngân hàng thương mại lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị giảm mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận giảm mức vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc giảm mức vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, ngân hàng thương mại có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép kèm các tài liệu sau:

(i) Văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình;

(ii) Thông tin quy định tại điểm c(ii), c(iii), và các chỉ tiêu an toàn quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành việc giảm vốn điều lệ.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép”.

5. Khoản 1 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đầu mối tiếp nhận, thẩm định, lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước (nếu cần thiết), tổng hợp và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận đối với các nội dung thay đổi tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 14a, 15, 16, 17 theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.”

6. Bổ sung khoản 3 vào Điều 19 như sau:

“3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo quy định tại khoản khoản 2a Điều 20 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến đặt trên địa bàn, có văn bản gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.”

7. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 20 như sau:

“2a. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn gửi văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 2;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Lưu: VP, PC, TTGSNH6. | **KT. THỐNG ĐỐC****PHÓ THỐNG ĐỐC****Đoàn Thái Sơn** |